

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 5 – 2021
V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bạch Phiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Minh;
2. Ông Phạm Văn Liệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1975. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn H, sinh năm 1973. Vắng mặt lần thứ hai, không rõ lý do.

Cùng địa chỉ: Số 982, ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:*

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau năm 1996, đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2002, tại Ủy ban nhân dân xã 3, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Trước khi kết hôn anh chị không có quen biết, tìm hiểu trước mà thông qua mai mối mới kết hôn. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không có bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn.

Nguyên nhân Chị H và Anh H mâu thuẫn là do Chị H phát hiện Anh H có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không chung thủy với chị, Anh H bỏ nhà đi sống với người phụ nữ khác 02 năm không về nhà. Đến năm 2020, Anh H về nhà thì không lo làm ăn, mà thường xuyên cờ bạc. Chị H đã khuyên Anh H nhiều lần, nhưng Anh H không nghe.

Từ khi vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn đến nay, thì Chị H và Anh H không ai nói tới ai, mặc dù vẫn ở chung nhà nhưng mỗi người đều có cuộc sống riêng. Chị H ở nhà nội trợ nuôi con và buôn bán nhỏ, còn Anh H thì đi chơi bởi suốt ngày, không lo cho vợ con.

Hiện nay, Chị H không còn tình cảm với Anh H, nên không thể tiếp tục chung sống với Anh H được.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H có 02 con chung tên Trần Quang T1, sinh năm 1997 và Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012. Hiện nay cháu T1 đã thành niên và có khả năng lao động. Còn cháu K đang sống với anh chị và học lớp 3, tại trường Tiểu học 2 1.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H có tài sản chung là một nền nhà ngang 06m, dài 18,3m tại cụm dân cư xã 2 và một căn nhà bạch đàn, đã mục tọa lạc trên phần đất này, Chị H và Anh H tự thỏa thuận về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác; Chị H và Anh H không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại anh chị.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn với Anh Trần Văn H.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H có hai con chung tên Trần Quang T1, sinh năm 1997 và Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012. Chị Nguyễn Thị Mỹ H yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012 đến khi cháu K thành niên. Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu Anh Trần Văn H cấp dưỡng nuôi con. Đối với Trần Quang T1, sinh năm 1997 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn Anh Trần Văn H không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cần phê phán rút kinh nghiệm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Mỹ H: Cho Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với Anh Trần Văn H; Giao cháu Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012 cho Chị Nguyễn Thị Mỹ H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên, Anh H không phải cấp dưỡng

nuôi con do Chị H không yêu cầu. Đối với Trần Quang T1, sinh năm 1997 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung: tự thỏa thuận và nợ chung: không có, nên không xem xét, giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Đơn khởi kiện ngày 11/5/2020 của Chị Nguyễn Thị Mỹ H (bản chính).
- Trích lục kết hôn giữa Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H (bản sao).
- Giấy khai sinh của Trần Quang T1, sinh năm 1997 và Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012 (bản sao).
- Giấy chứng minh nhân dân của Trần Quang T1 (bản sao).
- Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của Chị Nguyễn Thị Mỹ H (bản sao).
- Đơn xin xác nhận nơi cư trú của người bị kiện (bản chính).
- Bản khai của cháu Trần Thị Nhã K (bản chính).
- Biên bản lấy lời khai của Chị Nguyễn Thị Mỹ H ngày 13/4/2021 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Mỹ H và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trần Văn H cư trú tại ấp 1, xã 2, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Trần Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không rõ lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Anh H là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ, nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2002, tại Ủy ban nhân dân xã 3, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai cưỡng ép hay lừa dối kết hôn. Việc kết hôn giữa Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H là đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị Nguyễn Thị Mỹ H xác định: Trong thời gian anh chị chung sống với nhau xảy ra nhiều mâu thuẫn do Anh H không chung thủy, tham gia tệ nạn xã hội, chị khuyên Anh H nhiều lần nhưng không được, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, hiện nay chị không còn tình cảm vợ chồng với Anh H, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau, nên không thể chung sống với nhau được. Điều này chứng minh, hôn nhân giữa Chị H và Anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Nguyễn Thị Mỹ H đối với Anh Trần Văn H là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H có hai con chung tên Trần Quang T1, sinh năm 1997 và Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012. Hiện nay cháu K đang sống với Chị H và Anh H. Xét thấy, cháu K có nguyện vọng sống với Chị H, cháu K là nữ, đang trong độ tuổi phát triển về mặt thể chất và tinh thần, nên cần có sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Nên cần tiếp tục giao cháu K cho Chị H nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên. Do Chị H không yêu cầu Anh H cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với Trần Quang T1, sinh năm 1997 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị H xác định chị và Anh H tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nhưng không có ý kiến của Anh H, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này; nếu sau này có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 69, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Mỹ H.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ H được ly hôn với Anh Trần Văn H.

- Về con chung: Giao cháu Trần Thị Nhã K, sinh ngày 26/5/2012 cho Chị Nguyễn Thị Mỹ H được quyền nuôi dưỡng đến khi cháu K thành niên. Anh Trần Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con, do Chị Nguyễn Thị Mỹ H không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Mỹ H và Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Đối với Trần Quang T1, sinh năm 1997 đã thành niên và có khả năng lao động, nên không xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0011055 ngày 28/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình. Chị Nguyễn Thị Mỹ H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trần Văn H không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- Chi cục THADS huyện Thanh Bình;
- UBND xã 3, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Bạch Phiến